TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 637/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 7 - 2017
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết N

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn H

2. Bà Trần Quang C

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Ngọc T - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà:* ông Nguyễn Hồng D - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1263/2016/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2016 về: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2017/QĐST-HNGĐ ngày 26/6/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đào Lê N, sinh năm: 1951;
Địa chỉ: 74 Thạch Lam, phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Hải Y, sinh năm: 1959;
Địa chỉ: 74 Thạch Lam, phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông N có mặt, bà Y vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Đào Lê N trình bày: Ông và bà Trần Thị Hải Y tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 97, quyển số 01/2001 ngày 31/12/2001 do Ủy ban nhân dân phường 10, quận 10, Thành phố H cấp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại địa chỉ 74 Thạch Lam, phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2011 hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về lối sống và vấn đề tiền bạc, chi tiêu trong gia đình. Ông bà đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Thời gian ly thân mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết được, đời sống chung không thể kéo dài nên ông yêu cầu ly hôn với bà Y.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tổ chức phiên hòa giải để các đương sự giải quyết ly hôn nhưng do bị đơn không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến và hòa giải, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo quy định tại các Điều 21, 28, 35, 39, 48, 51, 63, 68, 70, 71, 72, 171, 173, 177, 220, 234, 239, 248, 260 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà Y là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chi tiêu tiền bạc trong gia đình. Tòa án đã triệu tập bà Y nhưng bà Y vẫn không đến Tòa để hòa giải, điều đó cho thấy bà Y không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa ông N và bà Y đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, căn cứ vào Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 97, quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân phường 10, quận 10, Thành phố H cấp ngày 31/12/2001 cho ông Đào Lê N và bà Trần Thị Hải Y thì quan hệ hôn nhân giữa ông ông N và bà Y là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bà Y hiện đang cư trú tại phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án nhân dân

quận Tân Phú thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục xét xử vắng mặt bà Trần Thị Hải Y: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập đương sự, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Y theo quy định tại Điều 177, 208, 209, 210 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà Y vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Y theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ và lời trình bày của ông N và kết quả xác minh mâu thuẫn gia đình giữa ông N và bà Y tại Hội Liên hiệp Phụ nữ phường P, quận Tân Phú thì *"...giữa ông N và bà Y có mâu thuẫn, vợ chồng có xảy ra lục đục..."* thể hiện mâu thuẫn phát sinh nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm, lối sống và việc chi tiêu tiền bạc trong gia đình. Ông bà đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay, thời gian ly thân mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay ông N xác nhận không còn tình cảm với bà Y. Do đó, có cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa ông N và bà Y đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hội đồng xét xử xét thấy ông N yêu cầu ly hôn, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà Y vắng mặt, điều đó thể hiện bà Y không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Ông N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông Đào Lê N được Tòa án chấp nhận, nên ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định tại khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đào Lê N.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đào Lê N được ly hôn với bà Trần Thị Hải Y.

Quan hệ hôn nhân của ông Đào Lê N và bà Trần Thị Hải Y (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 97, quyển số 01/2001 tại Ủy ban nhân dân phường 10, quận 10, Thành phố H cấp ngày 31/12/2001) chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Ông N xác nhận không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông N xác nhận không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 200.000 đồng do ông Đào Lê N chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng, ông N đã nộp theo Biên lai thu số 0025959 ngày 28/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Ông Đào Lê N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị Hải Y được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, TP. HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân phường 10, quận 10;
- Lưu VP, hồ sơ (N. Th).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM - THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tuyết N